

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 72/2022/HS-PT
Ngày 22 tháng 3 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên ông Đặng Kim Nhân

tòa:

Các Thẩm phán: ông Phạm Việt Cường, ông Nguyễn Tấn Trường

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Văn Thị Mỹ Thảo

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên

tòa: ông Nguyễn Nam Anh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 70/2022/TLPT-HS ngày 10/02/2022 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HS-ST ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1171/2022/QĐXXPT-HS ngày 07/3/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đối với:

1. Bị cáo **Võ Tấn A** (tên gọi khác: C); sinh ngày 29/3/1990 tại tỉnh Quảng Nam; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam con ông: Võ Tấn T, sinh năm 1964 và bà Ngô Thị L, sinh năm 1969; anh, chị em ruột có 02 người, bị cáo A là con đầu trong gia đình; Vợ con: chưa có; Tiền án: bị cáo có 01 tiền án (bản án hình sự phúc thẩm số 20/2013/HSPT ngày 23/01/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”), chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/6/2018; tiền sự: không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Nguyễn Đình L**, tên gọi khác (Đ); sinh ngày 21/02/1988 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký HKTT: thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình S (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1959; anh, chị em ruột có 04 người, L là con thứ ba trong gia đình; vợ con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Năm 2005 trộm cắp tài sản bị Công an quận H, thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính; năm 2006 gây rối trật tự công cộng bị Công an quận T xử phạt hành chính; tháng 12/2006, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục; Năm 2008 cố ý gây thương tích bị Công an quận C xử phạt hành

chính; Ngày 20/4/2009 bị TAND thành phố Đà Nẵng xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Ngày 15/6/2009 bị TAND thành phố Đà Nẵng xử phạt 48 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 23/5/2016 bị TAND thành phố H, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/8/2017. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên toà.

3. Bị cáo **Hồ Thanh T**; sinh ngày 15/01/2000 tại tỉnh Quảng Nam; Nơi đăng ký HKTT: thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hồ Thanh V, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970; anh, chị em ruột có 05 người, L là con thứ tư trong gia đình; vợ: Trương Thị Thu H, sinh năm 2001, có 01 người con, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 13/6/2019 thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”, nên Bản án số 51/2021/HSST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện chưa chấp hành án. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1995; địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng.

+ Ông Đoàn Đại C, sinh năm 1980; địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 03 giờ 10 phút ngày 04/11/2020, tại KM 706 trên Quốc lộ 1A, thuộc địa phận tỉnh Quảng Bình, Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình phối hợp với Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Bình, Công an huyện L tiến hành tuần tra, phát hiện xe ô tô taxi mang Biển kiểm soát 43A-182.61 chạy hướng Bắc - Nam có dấu hiệu vi phạm. Tổ công tác ra tín hiệu dừng xe để kiểm tra thì xe ô tô nói trên không chấp hành mà tiếp tục bỏ chạy, đến KM 708 + 300 thì thấy cửa kính bên phải hạ xuống và có người vút ra khỏi xe 02 bọc nilon xuống lề đường rồi tiếp tục chạy thêm 200m thì bị Tổ công tác đuổi kịp, buộc dừng xe. Kiểm tra trên xe có 03 đối tượng gồm lái xe Đoàn Đại C và 02 khách đi trên xe là Hồ Thanh T, Nguyễn Đình L. Tiến hành kiểm tra 02 bọc nilon mà các đối tượng vút ra lề đường phát hiện bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng đục, có tổng khối lượng 1.998,67 gam. L và T khai nhận số chất rắn màu trắng đục trên là ma túy dạng đá được T vút ra khỏi xe và do L, T vận chuyển thuê cho người có tên là Võ Tấn A (tên gọi khác C) từ tỉnh Nghệ An vào thành phố Đà Nẵng để lấy 30 triệu đồng tiền công (BL 10-16). Ngày 08/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Võ Tấn A.

Tại Bản kết luận giám định số 1337/GĐ-PC09 ngày 06/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: *“1.998,67 gam chất rắn màu trắng đục gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, Số thứ tự 23, Danh mục II, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ”* (BL 23-25).

Quá trình điều tra, xác định: Sáng ngày 03/11/2020, Võ Tấn A được một người phụ nữ có tên là N (nhân viên tiếp thị bia tại thành phố Đà Nẵng) gọi điện thuê A ra Nghệ An lấy 01 kilogam ma túy đá rồi vận chuyển vào thành phố Đà Nẵng với tiền công 30 triệu đồng. Do A bận việc không đi được nên A gọi điện cho Nguyễn Đình L, hẹn gặp nhau và A nói cho L biết về việc có người thuê vận chuyển 01 kilogam ma túy đá với tiền công 30 triệu đồng và hỏi L thì L đồng ý. L nói A có người đi cùng thì A đồng ý. Sau đó, L gọi điện cho Hồ Thanh T đến, khi gặp nhau, L rủ T cùng đi vận chuyển ma túy, tiền công chia đôi và được T đồng ý rồi cả hai đi về nhà. Sau đó A gọi điện cho Đoàn Đại C là lái xe taxi để thuê C chở L và T đi thành phố V, tỉnh Nghệ An với giá 05 triệu đồng và cho địa chỉ của L để C đến đón. Trên đường đi, A đã 02 lần chuyển vào tài khoản của C số tiền 04 triệu đồng để trả trước tiền thuê xe. Khi C chở L và T ra đến thành phố V, tỉnh Nghệ An thì A gọi điện cho C tiếp tục thuê chở L và T ra Ngã 3 Yên Lý thuộc địa phận huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An với giá 01 triệu đồng, đồng thời A gửi số điện thoại của người giao ma túy cho L. L lấy điện thoại của T gọi thì người này hẹn gặp ở khu vực gần Cầu vượt Ngã 3 Yên Lý, đến điểm hẹn, L và T xuống xe rồi đến gặp người giao ma túy trên một xe ô tô khác. Người này bảo L xuống xe để chở T đi nhận ma túy, sau đó chở T đến một bãi đất trống gần đó và giao cho T 02 gói nilon hình vuông bên trong có chứa ma túy. Thấy T run, người này rút súng ra và nói *“có gì đâu mà sợ, gặp Công an là bắn luôn”* rồi bảo T cởi áo khoác da đang mặc ra che lại. Sau khi nhận được ma túy, T xuống xe thì được C lái xe đến đón, T lên ngồi ở hàng ghế sau mang theo 02 gói nilon có chứa ma túy được trùm kín bằng áo khoác da của T. C lái xe chở L và T quay về thành phố Đà Nẵng. Trên đường đi, vào khoảng 02 giờ ngày 04/11/2020, T nói cho L biết đã nhận 02 gói ma túy. L mở áo khoác da ra xem rồi gọi điện lại cho A và nói *“Răng nói 01 gói mà giờ thành 02 gói, mi coi mạng người rě rứa C”*. A bảo L xuống xe để A gọi điện hỏi N nhưng N không nghe máy, A gọi điện bảo L đợi, nhưng do đêm khuya nên L lên xe đi tiếp. Đến 03 giờ 10 phút ngày 14/11/2020, khi xe chạy đến KM 706 - Quốc lộ 1A thuộc địa phận xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình thì bị Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình yêu cầu dừng xe kiểm tra. L yêu cầu C tiếp tục chạy và giục T vứt 02 gói nilon chứa ma túy ra khỏi xe nên T hạ cửa kính vứt 02 gói nilon có chứa ma túy xuống lề đường, sau đó thì bị bắt giữ.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HS-ST ngày 04/01/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

1. Về tội danh: *Tuyên bố các bị cáo Võ Tấn A, Nguyễn Đình L và Hồ Thanh T phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.*

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Võ Tấn A mức án Tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L mức án Tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; Điều 39, Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hồ Thanh T mức án Tù chung thân. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm tù tại Bản án số 51/2021/HSST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng, buộc bị cáo Hồ Thanh T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là Tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn có các quyết định về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và tuyên bố quyền kháng cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 05/01/2022, bị cáo Võ Tấn A kháng cáo cho rằng mức hình phạt tù chung thân mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 05/01/2022, bị cáo Nguyễn Đình L kháng cáo cho rằng mức hình phạt tù chung thân mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 06/01/2022, bị cáo Hồ Thanh T kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về nuôi con, chăm sóc cha mẹ già yếu và làm người có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Võ Tấn A, Nguyễn Đình L và Hồ Thanh T giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Các bị cáo đồng phạm vận chuyển trái phép chất ma túy khối lượng 1.998,67 gam ma túy loại Methamphetamine là rất lớn nên mức hình phạt tù chung thân mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo hình phạt tù chung thân là không nặng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Võ Tấn A, Nguyễn Đình L và Hồ Thanh T bị xét xử về

tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự có mức hình phạt tù từ 20 năm, tù chung thân, tử hình mà theo quy định tại Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự thì phải chỉ định người bào chữa cho các bị cáo; tuy nhiên trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm các bị cáo đều từ chối người bào chữa và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo cũng khẳng định không cần người bào chữa mà tự bào chữa cho mình, do đó cấp phúc thẩm tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án không có người bào chữa.

[2] Về tội danh, khung hình phạt: Ngày 03/11/2020, Võ Tấn A được một người phụ nữ có tên là N gọi điện thuê A ra Nghệ An vận chuyển 01 kilogram ma túy đá vào thành phố Đà Nẵng với tiền công 30 triệu đồng. Do A bận việc nên A gọi điện nói cho L biết việc có người thuê vận chuyển 01 kilogram ma túy đá với số tiền công 30 triệu đồng và hỏi L có đồng ý đi vận chuyển không thì L đồng ý. L nói với A có người đi cùng thì A đồng ý. Sau đó, L gọi điện rủ Hồ Thanh T cùng đi vận chuyển ma túy, tiền công chia đôi và Hồ Thanh T đồng ý tham gia. Mặc dù không trực tiếp đi ra Nghệ An để vận chuyển ma túy, nhưng Võ Tấn A là người trực tiếp thuê xe taxi để chở Nguyễn Đình L và Hồ Thanh T đi, trực tiếp trả tiền thuê xe và trực tiếp liên lạc với đối tượng cung cấp ma túy ở Nghệ An để chỉ dẫn đường cho L và T đến nhận ma túy. Khi ra đến Nghệ An thì Nguyễn Thanh T lên xe của một người đàn ông lạ mặt để trực tiếp đi nhận “hàng” còn L đi taxi theo sau. Sau khi nhận được “hàng” thì Hồ Thanh Tiêng mang “hàng” đến xe taxi và cùng với L quay xe vào Đà Nẵng, trên đường đi vào khi ngang qua địa phận tỉnh Quảng Bình thì bị bắt giữ. Tại phiên tòa, sơ thẩm, bị cáo Hồ Thanh T không thừa nhận biết và đồng ý cùng L đi vận chuyển ma túy, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay T thừa nhận mình biết và đồng ý đi Nghệ An cùng L để vận chuyển ma túy. Số ma túy mà các bị cáo vận chuyển bị bắt giữ có khối lượng 1.998,67 gam loại Methamphetaminne nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Võ Tấn A, Nguyễn Đình L và Hồ Thanh T phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt.

[3] Về quyết định hình phạt:

Các bị cáo đều đã thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên nhận thức và biết được các chất ma túy là loại chất gây nghiện nguy hiểm, là mặt hàng Nhà nước độc quyền quản lý nhằm ngăn chặn tình trạng lạm dụng ma túy, bảo vệ sức khỏe người dân và ngăn ngừa các loại tội phạm; nhận thức được tác hại của ma túy là ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người, suy thoái giống nòi là nguyên nhân gốc gây ra nhiều loại tội phạm trong xã hội, làm mất an ninh trật tự, nhưng cố tình nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có mức hình phạt tù từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình với khối lượng định khung khởi điểm là 100 gam Methamphetamin, trong khi các bị cáo đồng phạm vận chuyển với khối lượng ma túy 1.998,67 gam Methamphetaminne là gấp ~ 20 lần khối lượng khởi điểm.

[3.1] Đối với bị cáo Võ Tấn A: Bị cáo A có 01 tiền án về tội “*Mua bán*

trái phép chất ma túy”, do đó phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự “*tái phạm*”. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét bị cáo A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm và đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không xử phạt hình phạt cao nhất mà xử phạt bị cáo mức hình phạt tù chung thân là không nặng. Bị cáo A kháng cáo, nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới để cấp phúc thẩm xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo nên giữ nguyên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo.

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Đình L: Bị cáo L không có tiền án nhưng có quá trình nhân thân xấu (đã nhiều lần bị Tòa án xét xử về các tội danh khác nhau). Bị cáo L được hưởng các tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm không xử phạt hình phạt cao nhất mà xử phạt hình phạt tù chung thân là không nặng.

[3.3] Đối với bị cáo Hồ Thanh T: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm bị cáo T quanh co chối tội; tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo nhận tội, ăn năn hối cải, nhưng bị cáo T cũng có nhân thân xấu, trong thời gian tạm giam của vụ án này thì bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” về hành vi phạm tội ngay trước khi phạm tội trong vụ án này; do đó, mức hình phạt tù chung thân mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là không nặng.

[3.4] Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2022/HSST ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, cụ thể:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Võ Tấn A, Nguyễn Đình L và Hồ Thanh T phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Võ Tấn A mức hình phạt **Tù chung thân**, thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình L mức hình phạt **Tù chung thân**, thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2020.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; Điều 39, Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hồ Thanh T mức hình phạt **Tù chung thân**,

về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”, tổng hợp với hình phạt 01 năm tù tại Bản án số 51/2021/HSST ngày 13/5/2021 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng, buộc bị cáo Hồ Thanh T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **Tù chung thân**, thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2020.

Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo Võ Tấn A, Nguyễn Đình L và Hồ Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Các bị cáo;
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân